

**Phụ lục I**  
**HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT**  
*(Kèm theo Quyết định số 30/2020/QĐ-UBND ngày 20/10/2020 của UBND tỉnh)*

**I. ĐẤT Ở ĐÔ THỊ**

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
1	10 tháng 3	Nguyễn Chí Thanh	Phan Bội Châu	1.50
2	30 tháng 4	Phan Bội Châu	Phan Huy Chú	1.50
3	A Dừa	Lê Duẩn	Săm Bรัมย์	1.50
4	A Mí Đoan	Đầu đường	Hết đường	1.50
5	A Tranh	Y Nuê	Lê Chân	1.50
6	Ama Jhao	Nguyễn Tất Thành	Hùng Vương (Nối dài)	1.50
7	Ama Khê	Nguyễn Tất Thành	Hùng Vương	1.50
		Hùng Vương	Hết đường	1.50
8	Ama Pui	Nguyễn Công Hoan	Nguyễn Đình Chiểu	1.50
9	Ama Quang	Đầu đường	Hết đường	1.50
10	Ama Sa	Ama Khê	Hết đường	1.50
11	An Dương Vương	Trương Công Định	Phan Đình Phùng	1.50
		Phan Đình Phùng	Hết đường	1.50
12	Âu Cơ	Lê Duẩn	Hết đường	1.50
13	Bà Huyện Thanh Quan	Lê Duẩn	Săm Bรัมย์	1.50
14	Bà Triệu	Lê Thánh Tông	Nguyễn Công Trứ	1.50
15	Bạch Đằng	Số 91, Giải Phóng	Hẻm 53 Giải Phóng	1.50
16	Bế Văn Đàn	Bùi Hữu Nghĩa	Lê Duẩn	1.50
17	Bùi Huy Bích	Thăng Long	Đình Tiên Hoàng	1.50
		Đình Tiên Hoàng	Hết đường	1.50
18	Bùi Hữu Nghĩa	Mai Hắc Đế	Cổng sau Tỉnh ủy (Hết thửa 23, tờ BĐ số 22)	1.50
		Cổng sau Tỉnh ủy (Hết thửa 23, tờ bản đồ số 22)	Hết đường	1.50
19	Bùi Thị Xuân	Nguyễn Tất Thành	Ama Khê	1.50
20	Cao Bá Quát	Trần Văn Phụng	Trần Nhật Duật	1.50
21	Cao Đạt	Nguyễn Tất Thành	Hết đường	1.50
22	Cao Thắng	Lê Quý Đôn	Nguyễn Hữu Thọ	1.50
		Nguyễn Hữu Thọ	Đông Khởi	1.40
23	Cao Xuân Huy	Trần Khánh Dư	Trần Nhật Duật	1.50
24	Công Quỳnh	Ngô Gia Tự	Chu Văn An	1.50
25	Chế Lan Viên	Nguyễn Đình Chiểu	Nguyễn Công Hoan	1.50
26	Chu Huy Mân	Ngô Gia Tự	Chu Văn An	1.50
27	Chu Mạnh Trinh	Mai Hắc Đế	Hết đường	1.50
28	Chu Văn An	Nguyễn Chí Thanh	Lý Thái Tổ	1.50
		Lý Thái Tổ	Hà Huy Tập	1.50

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
29	Chu Văn Tấn	Võ Văn Kiệt	Phan Huy Chú	1.50
30	Cù Chính Lan	Đinh Tiên Hoàng	Hẻm 14 Cù Chính Lan	1.50
		Hẻm 14 Cù Chính Lan	Hết đường	1.50
31	Dã Tượng	Làng văn hóa dân tộc	Hẻm 266 Nguyễn Chí Thanh	1.50
		Hẻm 266 Nguyễn Chí Thanh	Hết đường	1.50
32	Dương Văn Nga	Mai Hắc Đế	Y Ngông	1.50
33	Đào Doãn Dịch	Phan Bội Châu	Thủ Khoa Huân	1.50
34	Đào Duy Anh	Võ Văn Kiệt	Hết thửa đất 21, tờ BĐ số 90	1.50
		Hết thửa đất 21, tờ BĐ số 90	Hết thửa đất 52, tờ BĐ số 90	1.50
35	Đào Duy Từ	Phan Bội Châu	Trần Phú	1.50
		Trần Phú	Nguyễn Thị Minh Khai	1.50
		Nguyễn Thị Minh Khai	Hết đường	1.50
36	Đào Tấn	Trần Văn Phụng	Trần Nhật Duật	1.50
37	Đặng Dung	Nguyễn Đình Chiểu	Y Út Niê	1.50
38	Đặng Nguyên Cẩn	Đinh Tiên Hoàng	Hết đường	1.50
39	Đặng Tất	Nguyễn Chí Thanh	Hết đường	1.50
40	Đặng Thai Mai	Phan Chu Trinh	Đặng Dung	1.50
41	Đặng Thái Thân	Mai Hắc Đế	Hẻm 40 Đặng Thái Thân	1.50
		Hẻm 40 Đặng Thái Thân	Giải Phóng	1.50
42	Đặng Trần Côn	Mai Hắc Đế	Hết đường	1.50
43	Đặng Văn Ngữ	Lê Duẩn	Săm Bรัมย์	1.50
		Săm Bรัมย์	Hết đường	1.50
44	Đặng Vũ Hiệp	Trần Khánh Dư	Trần Nhật Duật	1.50
45	Điện Biên Phủ	Nguyễn Công Trứ	Hoàng Diệu	1.50
		Hoàng Diệu	Trần Phú	1.50
		Trần Phú	Nguyễn Thị Minh Khai	1.50
		Nguyễn Thị Minh Khai	Hết đường (Giáp suối Ea Nuôl)	1.50
46	Điêu Văn Cái	Lê Duẩn	Hết đường	1.50
47	Đinh Công Tráng	Quang Trung	Hết số nhà 78 Đinh Công Tráng (Thửa 6, TĐ số 11)	1.50
		Hết ranh giới đất 78 Đinh Công Tráng (Thửa 6, TĐ số 11)	Nơ Trang Gùh	1.50
48	Đinh Lễ	Hà Huy Tập	Đường quy hoạch rộng	1.50

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
			36m	
49	Đình Núp	Ama Khê	Y Ni Ksor	1.50
50	Đình Tiên Hoàng	Nguyễn Tất Thành	Nguyễn Công Trứ	1.50
		Nguyễn Công Trứ	Phạm Hồng Thái	1.50
		Phạm Hồng Thái	Lê Duẩn	1.50
51	Đình Văn Gió	Y Ni K'sor	Hết đường	1.50
52	Đoàn Khuê	Nguyễn Chí Thanh	Tôn Đức Thắng	1.50
53	Đoàn Thị Điềm	Lý Thường Kiệt	Tịnh xá Ngọc Quang (Thửa 102, TBD số 8)	1.50
54	Đỗ Nhuận	Hà Huy Tập	Đường quy hoạch rộng 36m	1.50
55	Đỗ Xuân Hợp	Y Moan Êñuôl	Mười Tháng Ba	1.50
56	Đồng Khởi	Nguyễn Chí Thanh	Hà Huy Tập	1.50
		Hà Huy Tập	Y Moan Êñuôl	1.50
		Y Moan Êñuôl	10 tháng 3	1.50
57	Đồng Sỹ Bình	Giải Phóng	Hẻm 40 Dương Văn Nga	1.50
58	Giải Phóng	Lê Duẩn	Y Ngông	1.50
59	Giáp Hải	Hải Triều	Trần Quang Khải	1.50
		Trần Quang Khải	Nguyễn Đình Chiểu	1.50
60	Hà Huy Tập	Lê Thị Hồng Gấm	Đồng Khởi	1.50
		Đồng Khởi	10 tháng 3	1.50
		10 tháng 3	Bắt đầu ranh giới đất Cụm Công nghiệp Tân An	1.50
		Bắt đầu ranh giới đất Cụm Công nghiệp Tân An	Hết địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột	1.50
61	Hai Bà Trưng	Nơ Trang Long	Phan Bội Châu	1.50
		Phan Bội Châu	Trần Phú	1.50
		Trần Phú	Nguyễn Văn Trỗi	1.50
62	Hải Thượng Lãn Ông	Lê Thánh Tông	Giáp Hải	1.50
63	Hải Triều	Lê Thánh Tông	Giáp Hải	1.50
64	Hàm Nghi	Phan Bội Châu	Lê Công Kiều	1.50
65	Hàn Mặc Tử	Lê Quý Đôn	Đoàn Khuê	1.50
66	Hàn Thuyên	Trần Phú	Hết đường	1.50
67	Hoàng Diệu	Lê Thánh Tông	Phan Chu Trinh	1.50
		Phan Chu Trinh	Xô Viết Nghệ Tĩnh	1.50
		Xô Viết Nghệ Tĩnh	Nguyễn Trãi	1.50
		Nguyễn Trãi	Ngô Mây	1.50
		Ngô Mây	Trương Công Định	1.50
68	Hoàng Đình Ái	Tô Vĩnh Diện	Nguyễn Viết Xuân	1.50
69	Hoàng Hoa Thám	Phan Bội Châu	Y Ngông	1.50

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
70	Hoàng Hữu Nam	Võ Văn Kiệt	Phan Huy Chú	1.50
71	Hoàng Minh Thảo	Lý Chính Thắng	Cao Thắng	1.40
72	Hoàng Thế Thiện	Y Moan Ênuôl	Thửa 142, TBĐ số 19	1.50
		Thửa 142, TBĐ số 19	Thửa 149, TBĐ số 23	1.50
73	Hoàng Văn Thái	Lý Thái Tổ	Lý Chính Thắng	1.50
74	Hoàng Văn Thụ	Lê Quý Đôn	Nguyễn Hữu Thọ	1.50
75	Hoàng Việt	Trần Quang Khải	Hết đường	1.50
76	Hồ Giáo	65 Mai Xuân Thưởng	Hẻm 169, Nơ Trang Gưh	1.50
77	Hồ Tùng Mậu	Lê Hồng Phong	Y Ngông	1.50
78	Hồ Xuân Hương	Phan Bội Châu	Quang Trung	1.50
79	Hùng Vương	Ngã 6 trung tâm	Đình Tiên Hoàng	1.50
		Đình Tiên Hoàng	Bà Triệu	1.50
		Bà Triệu	Ngã ba Nguyễn Công Trứ	1.50
		Ngã ba Nguyễn Công Trứ	Ama Khê	1.50
		Ama Khê	Ama Zhao	1.50
		Ama Zhao	Hết đường	1.50
80	Huy Cận	Điện Biên Phủ	Lê Hồng Phong	1.50
81	Huỳnh Thúc Kháng	Trần Văn Phụng	Trần Nhật Duật	1.50
82	Huỳnh Văn Bánh	Lê Công Kiều	Nam Quốc Cang	1.50
83	Khúc Thừa Dụ	Lê Duẩn	Sấm Bรัมย์	1.50
84	Kim Đồng	Đồng Khởi	Văn Tiến Dũng	1.50
85	Kpă Nguyên	Lý Thái Tổ	Lý Chính Thắng	1.50
86	Kpă Púi	231 Ngô Quyền	Tôn Đức Thắng	1.50
87	Lạc Long Quân	Lê Duẩn	Hết đường	1.50
88	Lê Anh Xuân	Trần Quang Khải	Hết Đường	1.50
89	Lê Cảnh Tuân	Thế Lữ	211A Lê Cảnh Tuân	1.50
90	Lê Chân	Lê Duẩn	Y Nuê	1.50
91	Lê Công Kiều	Mạc Đĩnh Chi	Mai Xuân Thưởng	1.50
92	Lê Duẩn	Ngã 6 trung tâm	Bên phải: Bế Văn Đàn; Bên trái: Thửa 45, TBĐ số 6 phường Tân Thành	1.50
		Bên phải: Bế Văn Đàn; Bên trái: Thửa 45, TBĐ số 6 phường Tân Thành	Cầu Ea Tam	1.50
		Cầu Ea Tam	Nguyễn An Ninh	1.50
		Nguyễn An Ninh	Phan Huy Chú	1.50
93	Lê Đại Cang	Số 1A, Bà Triệu	Số 09, Trường Chinh	1.50
94	Lê Đại Hành	Trần Phú	Nguyễn Văn Trỗi	1.50
95	Lê Đức Thọ	Phan Bội Châu	Ngô Đức Kế	1.50

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
96	Lê Hồng Phong	Y Ngông	Bên phải Nguyễn Công Trứ; Bên trái hẻm 105 Lê Hồng Phong	1.50
		Bên phải Nguyễn Công Trứ; Bên trái hẻm 105 Lê Hồng Phong	Phan Bội Châu	1.50
		Phan Bội Châu	Hoàng Diệu	1.50
		Hoàng Diệu	Trần Phú	1.50
		Trần Phú	Nguyễn Thị Minh Khai	1.50
		Nguyễn Thị Minh Khai	Hết đường	1.50
97	Lê Lai	Trương Công Định	Phan Đình Phùng	1.50
98	Lê Lợi	Trần Khánh Dư	Tân Đà	1.50
99	Lê Minh Xuân	Y Ni K'Sor	Hết đường	1.50
100	Lê Quang Sung	Y Bih Aleo	Trần Hữu Dực	1.50
101	Lê Quý Đôn	Nguyễn Chí Thanh	Lý Thái Tổ	1.50
102	Lê Thánh Tông	Phan Bội Châu	Trần Hưng Đạo	1.50
		Trần Hưng Đạo	Lý Tự Trọng	1.50
103	Lê Thị Hồng Gấm	Nguyễn Tất Thành	Phan Chu Trinh	1.50
104	Lê Thị Riêng	Lê Duẩn	Hết đường	1.50
105	Lê Trọng Tấn	Đông Khởi	Văn Tiến Dũng	1.50
106	Lê Văn Hưu	Đặng Văn Ngữ	Khúc Thừa Dụ	1.50
		Khúc Thừa Dụ	Phùng Hưng	1.50
107	Lê Văn Nhiều	Nguyễn Hồng Ứng	Hết đường	1.50
108	Lê Văn Sỹ	Lê Duẩn	Nguyễn Viết Xuân	1.50
109	Lê Vụ	Nguyễn Chí Thanh	Hết đường	1.50
110	Lương Thế Vinh	Y Ngông	Mai Xuân Thưởng	1.50
111	Lý Chính Thắng	Lê Quý Đôn	Nguyễn Hữu Thọ	1.50
		Nguyễn Hữu Thọ	Đông Khởi	1.50
112	Lý Nam Đế	Nguyễn Tất Thành	Lê Thánh Tông	1.50
113	Lý Thái Tổ	Lý Tự Trọng	Đông Khởi	1.50
114	Lý Thường Kiệt	Nguyễn Công Trứ	Phan Bội Châu	1.50
		Phan Bội Châu	Hoàng Diệu	1.50
		Hoàng Diệu	Trần Phú	1.50
		Trần Phú	Nguyễn Thị Minh Khai	1.50
		Nguyễn Thị Minh Khai	Nguyễn Văn Trỗi	1.50
		Nguyễn Văn Trỗi	Bên phải: Đoàn Thị Điểm; Bên trái: Số nhà 323 Lý Thường Kiệt	1.50

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
		Bên phải: Đoàn Thị Diễm; Bên trái: Số nhà 323 Lý Thường Kiệt	Hết đường	1.50
115	Lý Tự Trọng	Nguyễn Tất Thành	Ngô Quyền	1.50
		Ngô Quyền	Lê Thị Hồng Gấm	1.50
116	Má Hai	Thế Lữ	Tăng Bạt Hổ	1.50
117	Mạc Đĩnh Chi	Phan Bội Châu	Nơ Trang Gưh	1.50
		Nơ Trang Gưh	Mai Xuân Thuởng	1.50
118	Mạc Thị Bưởi	Quang Trung	Phan Bội Châu	1.50
		Phan Bội Châu	Trần Phú	1.50
		Trần Phú	Nguyễn Thị Minh Khai	1.50
		Nguyễn Thị Minh Khai	Hết đường (Giáp suối Ea Nuôl)	1.50
119	Mai Hắc Đế	Y Ngông	Nguyễn Viết Xuân	1.50
		Nguyễn Viết Xuân	Giải Phóng	1.50
		Giải Phóng	Hết đường	1.50
120	Mai Thị Lựu	Y Wang	Hết đường (Trần Quý Cáp)	1.50
121	Mai Xuân Thuởng	Phan Bội Châu	Mạc Đĩnh Chi	1.50
		Mạc Đĩnh Chi	Y Ngông	1.50
122	Mậu Thân	Phạm Văn Đồng	Hết thửa đất số 2, 14 tờ BĐ số 3	1.50
		Hết thửa đất số 2, 14 tờ BĐ số 3	Hết địa bàn phường	1.50
123	Nam Quốc Cang	Mạc Đĩnh Chi	Mai Xuân Thuởng	1.50
124	Nay Der	Y Ni K'Sor	Hết đường	1.50
125	Nay Phao	Đồng Khởi	Văn Tiến Dũng	1.50
126	Nay Thông	Lê Duẩn	Săm Bẳm	1.50
		Săm Bẳm	Hết đường	1.50
127	Ngô Chí Quốc	Phạm Văn Đồng	Nhà thờ Lộ Đức	1.50
		Nhà thờ Lộ Đức	Hết địa bàn phường	1.50
128	Ngô Đức Kế	Phan Chu Trinh	Lê Thánh Tông	1.50
129	Ngô Gia Tự	Nguyễn Tất Thành	Ngô Quyền	1.50
		Ngô Quyền	Hà Huy Tập	1.50
130	Ngô Mây	Phan Bội Châu	Hoàng Diệu	1.50
		Hoàng Diệu	Trần Phú	1.50
131	Ngô Quyền	Trần Hưng Đạo	Ngô Gia Tự	1.50
		Ngô Gia Tự	Lê Quý Đôn	1.50
132	Ngô Tất Tố	Hùng Vương	Nguyễn Công Trứ	1.50
133	Ngô Thị Nhậm	Lê Quý Đôn	Đồng Khởi	1.50
134	Ngô Văn Năm	Lê Thị Hồng Gấm	Hết đường	1.50

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
135	Nguyễn Hồng	Trần Nhật Duật	Hết đường	1.50
136	Nguyễn An Ninh	Lê Duẩn	Công Trại giam	1.50
137	Nguyễn Biểu	Lê Quý Đôn	Nguyễn Hữu Thọ	1.50
138	Nguyễn Bính	Điện Biên Phủ	Lê Hồng Phong	1.50
139	Nguyễn Bình Khiêm	Hoàng Diệu	Nguyễn Thị Minh Khai	1.50
		Nguyễn Thị Minh Khai	Hết đường	1.50
140	Nguyễn Bưởi	Ngô Gia Tự	Chu Văn An	1.50
141	Nguyễn Cảnh Dị	Võ Văn Kiệt	Hết thửa đất số 3, tờ BĐ số 157	1.50
142	Nguyễn Chánh	Phan Chu Trinh	Lê Thánh Tông	1.50
143	Nguyễn Chí Thanh	Chu Văn An + Nguyễn Văn Cừ	Trương Quang Giao	1.50
		Trương Quang Giao	Trịnh Cán	1.50
		Trịnh Văn Cấn	Hết vòng xoay ngã ba Nhà máy bia Sài Gòn	1.50
144	Nguyễn Công Hoan	Phan Chu Trinh	Nguyễn Khuyến	1.50
145	Nguyễn Công Trứ	Lê Hồng Phong	Lê Duẩn	1.50
		Lê Duẩn	Đình Tiên Hoàng	1.50
		Đình Tiên Hoàng	Hùng Vương	1.50
146	Nguyễn Cơ Thạch	Nguyễn Thị Định	Nhà số 163	1.50
147	Nguyễn Cư Trinh	Phạm Hồng Thái	Hết cầu bê tông	1.50
		Hết cầu bê tông	Hết đường	1.50
148	Nguyễn Du	Lê Duẩn	Cầu chui	1.50
		Cầu chui	Đền ông Cảo	1.50
		Đền ông Cảo	Trần Quý Cáp	1.50
149	Nguyễn Duy Trinh	Mai Hắc Đế	Y Ngông	1.50
150	Nguyễn Đình Chiểu	Nguyễn Tất Thành	Nguyễn Khuyến	1.50
151	Nguyễn Đình Chiểu nôi dài	Ngã ba Nguyễn Khuyến, Nguyễn Đình Chiểu	Đến hết địa bàn phường Tân Lợi	1.50
152	Nguyễn Đình Thi	Trần Kiên	Giáp lô cao su	1.50
153	Nguyễn Đức Cảnh	Hoàng Diệu	Trần Phú	1.50
		Trần Phú	Nguyễn Văn Trỗi	1.50
154	Nguyễn Gia Thiều	Nguyễn Văn Linh	Hết đường	1.50
155	Nguyễn Hiền	Lê Thánh Tông	Hết đường	1.50
156	Nguyễn Hồng Ứng	Lê Vụ	Lê Văn Nhiễu	1.50
157	Nguyễn Huy Tự	Nguyễn Cư Trinh	Hết đường	1.50
158	Nguyễn Huy Tường	Lê Thánh Tông	Hết đường	1.50
159	Nguyễn Hữu Thấu	Hà Huy Tập	Hết khu dân cư K7	1.50
		Hết khu dân cư K7	Mười Tháng Ba	1.50
160	Nguyễn Hữu Thọ	Nguyễn Chí Thanh	Lý Thái Tổ	1.50

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
161	Nguyễn Khắc Tính	Lê Vụ	Lê Văn Nhiều	1.50
162	Nguyễn Khoa Đăng	Võ Văn Kiệt	Hết thửa đất 52, TBD số 74 (sát đường hẻm)	1.50
		Hết thửa đất 52, TBD số 74 (sát đường hẻm)	Hết thửa đất 128, TBD số 74	1.50
163	Nguyễn Khuyến	Nguyễn Đình Chiểu	Trần Nhật Duật	1.50
		Trần Nhật Duật	Y Moan Ênuôl	1.50
164	Nguyễn Kim	Mai Hắc Đế	Hết đường	1.50
165	Nguyễn Kinh Chi	Lê Thị Hồng Gấm	Hẻm 51 Nguyễn Tất Thành	1.50
166	Nguyễn Lâm	Ama Khê	Sang 2 phía đường Ama Khê	1.50
167	Nguyễn Lương Bằng	Nguyễn Văn Cừ (Vòng xoay km5)	Cầu km 5	1.50
168	Nguyễn Nhạc	Công an Thành phố	Ngô Gia Tự	1.50
169	Nguyễn Phi Khanh	Lê Thánh Tông	Nguyễn Thi	1.50
170	Nguyễn Phúc Chu	Nguyễn Thị Định	Hết khu dân cư tổ 56 A	1.50
171	Nguyễn Siêu	Phạm Ngũ Lão	Hết đường	1.50
172	Nguyễn Sinh Sắc	Phạm Văn Đồng	Lê Cảnh Tuân	1.50
		Lê Cảnh Tuân	Hết đường	1.50
173	Nguyễn Sơn	Nguyễn Đình Chiểu	Nguyễn Công Hoan	1.50
174	Nguyễn Tất Thành	Ngã 6 trung tâm	Nguyễn Văn Cừ	1.50
175	Nguyễn Thái Học	Phan Chu Trinh	Văn Cao	1.50
		Văn Cao	Nguyễn Khuyến	1.50
176	Nguyễn Thi	Tản Đà	Phan Văn Khỏe	1.50
177	Nguyễn Thị Định	30 tháng 4	Chợ Thành Nhất	1.50
		Chợ Thành Nhất	Đường trục 1 Buôn Ky	1.50
		Trục đường 1 Buôn Ky	Hết thửa đất 219 và thửa 1046 tờ bản đồ 17	1.50
		Hết thửa đất 219 và thửa 1046 tờ bản đồ 17	Hết địa bàn TP. Buôn Ma Thuột	1.50
178	Nguyễn Thị Minh Khai	Phan Chu Trinh	Y Jút	1.50
		Y Jút	Nguyễn Trãi	1.50
		Nguyễn Trãi	Phạm Ngũ Lão	1.50
179	Nguyễn Thiếp	Nguyễn Cư Trinh	Hết đường	1.50
180	Nguyễn Thông	Trần Nhật Duật	Trần Văn Phụ	1.50
181	Nguyễn Thượng Hiền	Lê Quý Đôn	Hoàng Minh Thảo	1.50
182	Nguyễn Tiểu La	Lê Công Kiều	Nam Quốc Cang	1.50
183	Nguyễn Trác	Nguyễn Khuyến	Thửa 22, TBD 31	1.50
184	Nguyễn Trãi	Phan Bội Châu	Trần Phú	1.50

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
		Trần Phú	Nguyễn Thị Minh Khai	1.50
		Nguyễn Thị Minh Khai	Hết đường (Gần suối Ea Nuôl)	1.50
185	Nguyễn Tri Phương	Phan Bội Châu	Trần Phú	1.50
		Trần Phú	Hết đường (suối)	1.50
186	Nguyễn Trung Trực	Nguyễn Tri Phương	Trương Công Định	1.50
		Trương Công Định	Hết đường	1.50
187	Nguyễn Trường Tộ	Y Wang	Cống thoát nước	1.50
		Cống thoát nước	Hết đường	1.50
188	Nguyễn Tuân	Lê Duẩn	Hết đường	1.50
189	Nguyễn Văn Bé	Nguyễn Thị Minh Khai	Nguyễn Văn Trỗi	1.50
190	Nguyễn Văn Cừ	Nguyễn Tất Thành	Cầu Ea Nao	1.50
		Cầu Ea Nao	Nguyễn Lương Bằng	1.50
191	Nguyễn Văn Linh	Hết vòng xoay ngã 3 nhà máy bia Sài Gòn	Ranh giới xã Ea Tu	1.50
192	Nguyễn Văn Trỗi	Phan Chu Trinh	Y Jút	1.50
193	Nguyễn Việt Xuân	Lê Duẩn	Mai Hắc Đế	1.50
194	Nguyễn Xuân Nguyên	Nguyễn Chí Thanh	Đường bao quanh Khu đô thị sinh thái văn hóa, du lịch dân tộc	1.50
		Đường bao quanh Khu đô thị sinh thái văn hóa, du lịch dân tộc	Hết địa bàn phường Tân An	1.50
195	Nơ Trang Gùh	Phan Bội Châu	Quang Trung	1.50
		Quang Trung	Mai Xuân Thưởng	1.50
196	Nơ Trang Long	Ngã sáu trung tâm	Lê Hồng Phong	1.70
197	Ông Ích Khiêm	Lê Quý Đôn	Nguyễn Hữu Thọ	1.50
198	Phạm Hồng Thái	Lê Duẩn	Đình Tiên Hoàng	1.50
		Đình Tiên Hoàng	Hết đường	1.50
199	Phạm Hùng	Nguyễn Chí Thanh	Hà Huy Tập	1.50
200	Phạm Ngọc Thạch	Lê Quý Đôn	Nguyễn Hữu Thọ	1.50
201	Phạm Ngũ Lão	Hoàng Diệu	Trần Phú	1.50
		Trần Phú	Nguyễn Thị Minh Khai	1.50
		Nguyễn Thị Minh Khai	Cầu ranh giới xã Cư Ê Bur	1.50
202	Phạm Phú Thứ	Nguyễn Chí Thanh	Hết đường	1.50
203	Phạm Văn Bạch	Nguyễn Thị Định	Lô E8, TBĐ số độc lập	1.50
204	Phạm Văn Đồng	Giáp ranh phường Tân Lập	Hết Quỹ Tín dụng phường Tân Hòa	1.50
		Hết Quỹ Tín dụng phường Tân Hòa	Nguyễn Sinh Sắc	1.50

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
		Nguyễn Sinh Sắc	Giáp ranh xã Ea Tu	1.50
205	Phan Bội Châu	Nguyễn Tất Thành	Lê Hồng Phong	1.50
		Lê Hồng Phong	Mạc Thị Bưởi	1.50
		Mạc Thị Bưởi	Nguyễn Tri Phương	1.50
		Nguyễn Tri Phương	30 tháng 4	1.50
206	Phan Chu Trinh	Ngã sáu Trung tâm	Trần Hưng Đạo	1.50
		Trần Hưng Đạo	Trần Cao Vân	1.50
		Trần Cao Vân	Lê Thị Hồng Gấm	1.10
207	Phan Đăng Lưu	Lê Quý Đôn	Nguyễn Hữu Thọ	1.50
208	Phan Đình Giót	Lê Duẩn	Lê Hồng Phong	1.50
209	Phan Đình Phùng	Phan Bội Châu	An Dương Vương	1.50
		An Dương Vương	Hết đường	1.50
210	Phan Huy Chú	Lê Duẩn	Hoàng Hữu Nam	1.50
		Hoàng Hữu Nam	Hết địa bàn phường Khánh Xuân	1.50
211	Phan Kế Bính	Lê Công Kiều	Nam Quốc Cang	1.50
212	Phan Kiệt	Lê Duẩn	Hết đường	1.50
213	Phan Phù Tiên	Mai Hắc Đế	Hết đường	1.50
214	Phan Trọng Tuệ	95 Ybih Alêô	Tôn Đức Thắng	1.50
215	Phan Văn Đạt	Võ Văn Kiệt	Ngã 4 giao với đường rộng 8 m (Cách Võ Văn Kiệt 50m)	1.50
		Ngã 4 giao với đường rộng 8 m (Cách Võ Văn Kiệt 50m)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Bá Thanh (Thửa 5, TBD số 98)	1.50
		Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Bá Thanh (Thửa 5, TBD số 98)	Ngã tư hẻm 83 Tố Hữu	1.50
		Ngã tư hẻm 83 Tố Hữu	Hết đường (Thửa 193, TBD số 61)	1.50
216	Phan Văn Khoẻ	Lê Thánh Tông	Hết đường	1.50
217	Phó Đức Chính	Lê Công Kiều	Nam Quốc Cang	1.50
218	Phù Đồng	Lê Quý Đôn	Nguyễn Hữu Thọ	1.50
219	Phùng Chí Kiên	Phan Bội Châu	Hoàng Diệu	1.50
		Hoàng Diệu	Trần Phú	1.50
220	Phùng Hưng	Lê Duẩn	Sấm Bรัมย์	1.50
		Sấm Bรัมย์	Hết đường	1.50
221	Pi Năng Tắc	Y Ni K'Sor	Hết đường	1.50
222	Quang Trung	Phan Chu Trinh	Lê Hồng Phong	1.70
		Lê Hồng Phong	Xô Viết Nghệ Tĩnh	1.50

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
		Xô Viết Nghệ Tĩnh	Trần Bình Trọng	1.50
		Trần Bình Trọng	Nơ Trang Gùh	1.50
		Nơ Trang Gùh	Mạc Đĩnh Chi	1.50
223	Rơ Chăm Yon	Mậu Thân	Hẻm 723 Phạm Văn Đồng	1.50
224	Sấm Brăm	Đặng Văn Ngữ	Hết đường	1.50
225	Siu Bleh	Y Nuê	Lê Chân	1.50
226	Sư Vạn Hạnh	Lê Thánh Tông	Nguyễn Thi	1.50
227	Sương Nguyệt Ánh	Trần Quang Khải	Nguyễn Đình Chiểu	1.50
228	Tạ Quang Bửu	Nguyễn Phúc Chu	Hết ranh giới thửa 303, TBD số 3	1.50
229	Tản Đà	Phan Chu Trinh	Lê Thánh Tông	1.50
230	Tán Thuật	Đình Tiên Hoàng	Phạm Hồng Thái	1.50
231	Tăng Bạt Hổ	Nguyễn Đình Thi	Lê Cảnh Tuân	1.50
		Lê Cảnh Tuân	Hết đường	1.50
232	Tây Sơn	Số 53 Giải Phóng	Bạch Đằng	1.50
		Bạch Đằng	Vạn Xuân	1.50
233	Thái Phiên	Lê Quý Đôn	Nguyễn Hữu Thọ	1.50
234	Thăng Long	Đình Tiên Hoàng (Gần Cầu chui)	Đình Tiên Hoàng (Gần Công số 1)	1.50
235	Thế Lữ	Phạm Văn Đồng	Hết đường	1.50
236	Thi Sách	Ama Khê	Sang 2 phía đường Ama Khê	1.50
237	Thủ Khoa Huân	Mai Xuân Thưởng	30 tháng 4	1.50
		30 tháng 4	Nguyễn Thị Định	1.50
238	Tô Hiến Thành	Trần Nhật Duật	Trần Văn Phụng	1.50
239	Tô Hiệu	Lê Thánh Tông	Lê Thị Hồng Gấm	1.50
		Lê Thị Hồng Gấm	Ngô Gia Tự	1.50
240	Tố Hữu	Ngã ba Duy Hòa, Võ Văn Kiệt	Hẻm 38 Tố Hữu	1.50
		Hẻm 38 Tố Hữu	Hết ranh giới phường Khánh Xuân	1.50
241	Tô Vĩnh Diện	Mai Hắc Đế	Hết đường	1.50
242	Tôn Đức Thắng	Tú Xương	Hết Lô L6 Khu dân cư Tôn Đức Thắng	1.50
		Đối diện nhà hàng Đại Ngàn (Khu dân cư 47 Lý Tự Trọng)		1.50
		Kpã Púi (Trước Công ty cấp nước Đăk Lăk)	Ngô Gia Tự	1.50
		Lê Quý Đôn	Đồng Khởi	1.50
243	Tôn Thất Thuyết	Nguyễn Lương Bằng	Chợ Tân Phong	1.50
244	Tôn Thất Tùng	Lê Vụ	Trương Quang Giao	1.50

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
245	Tổng Duy Tân	Trần Nhật Duật	Trần Văn Phụ	1.50
246	Trần Bình Trọng	Quang Trung	Phan Bội Châu	1.50
		Phan Bội Châu	Trần Phú	1.50
		Trần Phú	Nguyễn Thị Minh Khai	1.50
		Nguyễn Thị Minh Khai	Hết đường	1.50
247	Trần Cao Vân	Lê Thánh Tông	Phan Chu Trinh	1.50
		Phan Chu Trinh	Văn Cao	1.50
		Văn Cao	Nguyễn Khuyến	1.50
248	Trần Đại Nghĩa	Lý Thái Tổ	Lý Chính Thắng	1.50
249	Trần Huy Liệu	Mai Hắc Đế	Y Ôn	1.50
250	Trần Hưng Đạo	Phan Chu Trinh	Nguyễn Tất Thành	1.50
		Nguyễn Tất Thành	Hùng Vương	1.50
251	Trần Hữu Dực	Nguyễn Đình Chiểu	Trần Khánh Dư	1.50
252	Trần Hữu Trang	Trần Quang Khải	Nguyễn Đình Chiểu	1.50
253	Trần Khánh Dư	Trường Chinh	Phan Chu Trinh	1.50
254	Trần Khát Chân	Hoàng Diệu	Trần Phú	1.50
255	Trần Kiên	Phạm Văn Đồng	Lê Cảnh Tuân	1.50
		Lê Cảnh Tuân	Hết đường	1.50
256	Trần Nguyên Hãn	Thăng Long	Đình Tiên Hoàng	1.50
257	Trần Nhân Tông	Phan Huy Chú	Thửa 27, TBD số 84	1.50
258	Trần Nhật Duật	Nguyễn Tất Thành	Phan Chu Trinh	1.50
		Phan Chu Trinh	Nguyễn Khuyến	1.50
259	Trần Phú	Phan Chu Trinh	Lê Hồng Phong	1.50
		Lê Hồng Phong	Nguyễn Trãi	1.50
		Nguyễn Trãi	Ngô Mây	1.50
		Ngô Mây	Trương Công Định	1.50
		Trương Công Định	Hẻm 383 Trần Phú	1.50
		Hẻm 383 Trần Phú	Hết đường (Hết cánh đồng rẽ trái ra đường Nguyễn Thị Định)	1.50
260	Trần Quang Diệu (Khu tái định cư Mai Xuân Thưởng)			1.50
261	Trần Quang Khải	Nguyễn Tất Thành	Phan Chu Trinh	1.50
262	Trần Quốc Thảo	Lê Quý Đôn	Nguyễn Hữu Thọ	1.50
263	Trần Quốc Toản	Trần Văn Phụ	Trần Nhật Duật	1.50
264	Trần Quý Cáp	Y Nuê	Bên phải: Mai Thị Lựu; Bên trái: Hẻm 135 Trần Quý Cáp	1.50
		Bên phải: Mai Thị Lựu; Bên trái: Hẻm 135 Trần Quý Cáp	Võ Nguyên Giáp	1.50

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
		Võ Nguyên Giáp	Ranh giới Khu dân cư tập thể Công An tỉnh Đắk Lắk	1.50
		Ranh giới Khu dân cư tập thể Công An tỉnh Đắk Lắk	Nguyễn Văn Cừ	1.50
265	Trần Văn Phụ	Phan Chu Trinh	Nguyễn Khuyến	1.50
266	Trịnh Văn Cẩn	Nguyễn Chí Thanh	Hết đường	1.50
267	Trương Công Định	Phan Bội Châu	Trần Phú	1.50
		Trần Phú	Hết đường	1.50
268	Trương Đăng Quế	Trần Văn Phụ (kéo dài)	Y Moan Êñuôl	1.50
269	Trương Hán Siêu	Phan Bội Châu	Trương Công Định	1.50
270	Trương Quang Giao	Nguyễn Chí Thanh	Hết đường	1.50
271	Trương Quang Tuân	Lê Vụ	Trương Quang Giao	1.50
272	Trường Chinh	Bà Triệu	Lê Thị Hồng Gấm	1.50
273	Tú Xương	Trường Chinh	Lê Thánh Tông	1.50
274	Tuệ Tĩnh	Lê Duẩn	Cầu Tuệ Tĩnh	1.50
		Cầu Tuệ Tĩnh	Mai Thị Lựu	1.50
275	Vạn Xuân	Giải Phóng	Tây Sơn	1.50
		Tây Sơn	30 Tháng 4	1.50
276	Văn Cao	Trần Nhật Duật	Trần Văn Phụ	1.50
277	Văn Tiến Dũng	Nguyễn Chí Thanh	Lý Thái Tổ	1.50
278	Võ Duy Thanh	Ngô Gia Tự	Chu Văn An	1.50
279	Võ Thị Sáu	Nguyễn Văn Cừ	Hết đường	1.50
280	Võ Trung Thành	Y Ngông	Lương Thế Vinh	1.50
281	Võ Văn Kiệt	Phan Huy Chú	Cầu Duy Hòa	1.50
		Cầu Duy Hòa	Bên phải: Hết thửa đất 18, tờ BĐ số 142; Bên trái: Đến đường Tố Hữu	1.50
		Bên phải: Hết thửa đất 18, tờ BĐ số 142; Bên trái: Đến đường Tố Hữu	Hết ranh giới đất Trường tiểu học Trần Cao Vân	1.50
		Hết ranh giới đất Trường Trần Cao Vân	Hết địa bàn phường Khánh Xuân	1.50
282	Xô Viết Nghệ Tĩnh	Cầu suối Đốc học	Quang Trung	1.50
		Quang Trung	Trần Phú	1.50
		Trần Phú	Nguyễn Thị Minh Khai	1.50
		Nguyễn Thị Minh Khai	Công bệnh viện Thành phố cũ	1.50
283	Xuân Diệu	Nguyễn Đình Chiểu	Nguyễn Công Hoan	1.50
284	Xuân Thủy	Phạm Văn Đồng	Hết đường	1.50
285	Y Bìn	Y Ni K'Sor	Hết đường	1.50

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
286	Y Bih Alêo	Trần Hưng Đạo	Lê Thị Hồng Gấm	1.50
287	Y Đôn	Y Nuê	Âu Cơ	1.50
288	Y Jôn Niê	Y Nuê	Hết khu dân cư buôn Mduk	1.50
		Hết khu dân cư buôn Mduk	Thửa 22, tờ BĐ số 124	1.50
		Thửa 22, tờ BĐ số 124	Hết địa bàn phường Ea Tam	1.50
289	Y Jút	Nguyễn Công Trứ	Phan Bội Châu	1.70
		Phan Bội Châu	Hoàng Diệu	1.50
		Hoàng Diệu	Trần Phú	1.50
		Trần Phú	Nguyễn Thị Minh Khai	1.50
		Nguyễn Thị Minh Khai	Nguyễn Văn Trỗi	1.50
		Nguyễn Văn Trỗi	Hết nhà số 335 Y Jút	1.50
	Hết nhà số 335 Y Jút	Hết đường (Gần suối Ea Nuôl)	1.50	
290	Y Khu	Y Ni K'Sor	Hết đường	1.50
291	Y Linh Niê Kdăm	Trường tiểu học Kim Đồng	Thế Lữ	1.50
292	Y Moan Ê'nuôl	Phan Chu Trinh	Hội trường Tổ dân phố 6A, Tân Lợi	1.50
		Hội trường Tổ dân phố 6A, Tân Lợi	10 tháng 3	1.50
		10 tháng 3	Giáp ranh xã Cư Ebur	1.50
293	Y Ngông	Lê Duẩn	Dương Văn Nga	1.50
		Dương Văn Nga	Mai Xuân Thưởng	1.50
294	Y Ngông nối dài	Mai Xuân Thưởng	Nguyễn Thị Định	1.50
295	Y Ni K'Sor	Ama Jhao	Hùng Vương	1.50
296	Y Nuê	Lê Duẩn	Hết đường	1.50
297	Y On	Lê Duẩn	Hết đường	1.50
298	Y Plô Ê Ban	Ama Khê	Hết đường	1.50
299	Y Som Êban	Y Ni K'Sor	Hết đường	1.50
300	Y Thuyên K'Sor	Y Ni K'Sor	Hết đường	1.50
301	Y Tlam Kbuôr	02 Lý Tự Trọng	Ngô Gia Tự	1.50
302	Y Út Niê	Phan Chu Trinh	Nguyễn Khuyến	1.50
303	Y Wang	Lê Duẩn	Bên phải hẻm 112 và bên trái hẻm 173 đường Y Wang	1.50
		Hẻm 125 đường Y Wang	Cầu Ea Kniêr	1.50
304	Yết Kiêu	Nguyễn Tri Phương	Hết đường	1.50

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
305	Đường giao thông Quốc lộ 14 đoạn nối từ Lê Duẩn - Võ Văn Kiệt	Lê Duẩn - Phan Huy Chú	Đường 30/4 - Võ Văn Kiệt	1.20
306	Đường nội bộ (Song song đường Ngô Quyền) Khu dân cư Tôn Đức Thắng	Lý Tự Trọng	Ngô Gia Tự	1.20
307	Đường nối Nguyễn Văn Linh với Hà Huy Tập (Ranh giới phường Tân An với xã Ea Tu)	Nguyễn Văn Linh	Hà Huy Tập	1.50
308	Đường bao quanh Khu đô thị sinh thái văn hóa, du lịch dân tộc tại Tổ dân phố 7, phường Tân An			
	- Đường giao thông quy hoạch 24m	Nguyễn Chí Thanh	Hết thửa 147, tờ BĐ số 48	1.20
309	Đường nội bộ (Song song đường Ngô Quyền) Khu dân cư Tôn Đức Thắng	Hết thửa 147, tờ BĐ số 48	Nguyễn Xuân Nguyên	1.40
		Trần Nhật Duật	Lê Thị Hồng Gấm	1.20
310	Đường trục chính vào buôn Akõ D'hõng (Đi qua nhà hàng Yang Sin)	Trần Nhật Duật	Phan Trọng Tuệ	1.20
		Nguyễn Khuyển	Ngã ba nhà Văn hoá cộng đồng	1.20
311	Đường nội bộ trong buôn Akõ D'hõng			
	- Đường nối dài với trục chính của buôn (Từ nhà văn hóa cộng đồng đến Nguyễn Đình Chiểu nối dài)			1.40
	- Đường song song với trục chính của buôn (Từ đường Trục chính đến đường nối dài)			1.40
312	Khu dân cư 560 Lê Duẩn			
	- Đường nội bộ khu dân cư (Rộng 10m )			1.40
313	Khu dân cư buôn Mduk P. Ea Tam			
	- Đường bao quanh khu dân cư quy hoạch rộng 18 m			1.20
	- Trục dọc song song Y Jõn Niê rộng 14 m			1.40
	- Các trục ngang giao Y Jõn Niê (quy hoạch rộng 14 m)	Y Jõn Niê	Đến đường bao quy hoạch rộng 18 m	1.50
314	Khu dân cư trường Hành chính cũ, phường Ea Tam			
	- Trục đường N1	Nguyễn Văn Ninh	Đến hẻm 120/26 Y Wang	1.10
	- Trục đường D1	Đến hẻm 120/26 Y Wang	Hết ranh giới quy hoạch khu dân cư trường Hành chính cũ	1.10
315	Khu dân cư chợ Duy Hoà cũ			

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
	- Đường nội bộ khu dân cư rộng 8m			1.10
316	Khu dân cư 47 Lý Tự Trọng, phường Tân An			
	- Đường ngang nối Tôn Đức Thắng - Tô Hiệu (Rộng 9m)			1.50
317	Khu dân cư Tổ dân phố 1, phường Tân An (Khu đất đấu giá phía sau Sở Công Thương)			
	- Đường quy hoạch 12m	Song song với đường Nguyễn Kinh Chi		1.40
	- Đường quy hoạch 10m	Nguyễn Kinh Chi	Đường quy hoạch rộng 12m	1.30
318	Khu dân cư Km4-Km5, phường Tân An (Khu đất phân lô biệt thự)			
	Đường nội bộ song song đường Nguyễn Thượng Hiền	Văn Tiến Dũng	Hoàng Minh Thảo	1.40
	Đường nội bộ song song đường Hoàng Minh Thảo	Tôn Đức Thắng	Ngô Thị Nhậm	1.40
	Đường nội bộ song song đường Ngô Thị Nhậm	Văn Tiến Dũng	Đoàn Khuê	1.30
319	Khu dân cư đường Lê Vụ			
	- Đường giao với đường Lê Vụ quy hoạch 18m			2.00
	- Đường song song với đường Lê Vụ quy hoạch 18m (Giao với hẻm 119 Nguyễn Văn Cừ)			2.00
320	Khu dân cư Tổ dân phố 9, phường Tân An			
	- Đường giao với hẻm 146 Nguyễn Chí Thanh			1.50
	- Đường giao với đường Dã Tượng			1.50
321	Khu dân cư chợ Tân Hoà	Đường giao nhau với đường Phạm Văn Đồng (QH 75m)		1.50
322	Khu dân cư Tân Phong			
	- Đường quy hoạch rộng 24 m giao với Phạm Văn Đồng (Đường D5, Đường D6)			1.60
	- Đường quy hoạch rộng 24 m song song với Phạm Văn Đồng (Đường N14)			1.60
	- Đường nội bộ khu dân cư quy hoạch rộng 15 m song song với Phạm Văn Đồng			1.50
323	Khu dân cư tập thể Công An tỉnh Đắk Lắk (Trần Quý Cáp)			
	- Các thửa đất ở vị trí đường nội bộ khu dân cư quy hoạch rộng 10m	Giao với đường Trần Quý Cáp		1.60
	- Các thửa đất ở vị trí đường nội bộ khu dân cư quy hoạch rộng 8m, phía giáp suối Ea Nao	Nối với đường quy hoạch rộng 10m		1.60

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
	- Các thửa đất ở vị trí đường nội bộ khu dân cư quy hoạch rộng 7m	Giao với đường Trần Quý Cáp		1.60
	- Các thửa đất ở vị trí đường nội bộ khu dân cư quy hoạch rộng 7m, phía giáp suối Ea Nao	Vuông góc với đường Trần Quý Cáp		1.60
	- Các thửa đất ở vị trí đường nội bộ khu dân cư quy hoạch rộng 7m	Song song với đường Trần Quý Cáp		1.60
324	Khu dân cư Tổ dân phố 7, Tân Lập			
	- Đường hẻm 23A Trần Quý Cáp quy hoạch rộng 15,5 m	Trần Quý Cáp	Giao với đường số 7, quy hoạch rộng 11,5 m	1.60
	- Đường số 1 quy hoạch rộng 11,5m	Hẻm số 04 Võ Thị Sáu	Đường số 7, quy hoạch rộng 11,5 m	2.00
	- Đường số 2 quy hoạch rộng 15,5m	Đường hẻm 23A Trần Quý Cáp	Đường Võ Thị Sáu	2.00
	- Đường số 3 quy hoạch rộng 11,5m	Đường hẻm 23A Trần Quý Cáp	Đường số 1 quy hoạch rộng 11,5 m	2.00
	- Đường số 4 quy hoạch rộng 11,5m	Đường hẻm 23A Trần Quý Cáp	Đường số 1 quy hoạch rộng 11,5 m	2.00
	- Đường số 5 quy hoạch rộng 11,5m	Đường hẻm 23A Trần Quý Cáp	Đường số 1 quy hoạch rộng 11,5 m	2.00
	- Đường số 6 quy hoạch rộng 11,5m	Đường hẻm 23A Trần Quý Cáp	Đường số 2 quy hoạch rộng 11,5 m	2.00
	- Đường số 7 quy hoạch rộng 11,5m	Đường hẻm 23A Trần Quý Cáp	Hết lô LK8-33	1.30
	- Đường số 2 quy hoạch rộng 11,5m	Đường số 2, bao quanh lô LK4	Giao với đường số 2	2.00
	- Đường hẻm số 04 Võ Thị Sáu	Trần Quý Cáp	Hết lô BT2-02	2.00
325	Khu dân cư buôn Păm Lăm - Kôsiêr			
	- Đường ngang quy hoạch rộng 12m	Giao với đường Ama Jhao		2.00
	- Đường ngang quy hoạch rộng 10,5m	Giao với đường Hùng Vương		1.30
	- Đường ngang quy hoạch rộng 12,5m	Giao với đường Hùng Vương		1.30
326	Khu dân cư Tổ dân phố 10, phường Tân Lợi (Cạnh Thi hành án dân sự tỉnh)			
	- Đường ngang nối Hà Huy Tập - Ngô Văn Năm			1.50

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
327	Khu dân cư Hiệp Phúc			
	- Các đường nối Ngô Văn Năm với Lý Thái Tổ			1.30
328	Khu dân TDP 7, phường Tân Lợi			
	- Đường ngang nội bộ quy hoạch 13,5m	Nguyễn Hữu Thấu	Đình Lễ	1.40
	- Đường nội bộ quy hoạch 13,5m song song với Nguyễn Hữu Thấu			1.40
329	Khu dân cư đường Hà Huy Tập, phường Tân Lợi			
	- Các thửa đất ở vị trí đường nội bộ khu dân cư quy hoạch rộng 13m và 15,5m giao với đường Hà Huy Tập			1.40
	- Các thửa đất ở vị trí đường nội bộ khu dân cư quy hoạch rộng 13m và 14m song song với đường Hà Huy Tập			1.30
	- Các thửa đất ở vị trí đường nội bộ khu dân cư quy hoạch rộng 36m giao với đường Hà Huy Tập			1.40
330	Khu dân cư N1.4 - N1.5, phường Thành Nhất			
	- Đường nội bộ khu dân cư rộng 14 m giáp lô F			1.50
	- Đường nội bộ khu dân cư rộng 14 m giáp lô A			1.50
	- Đường nội bộ khu dân cư rộng 12 m			1.50
331	Khu dân cư Tổ liên gia 33, Tổ dân phố 4, phường Thành Nhất			
	- Các thửa đất ở vị trí đường nội bộ khu dân cư rộng 12m	Giao với đường Phan Bội Châu		1.30
	- Các thửa đất ở vị trí đường nội bộ khu dân cư rộng 12m	Song song với đường Phan Bội Châu		1.30
	- Các thửa đất ở vị trí đường nội bộ khu dân cư rộng 18m-20m	Song song với đường Phan Bội Châu		1.60
332	Khu tái định cư phường Thành Nhất			
	- Đường ngang song song đường Phan Bội Châu			1.40
333	Các đoạn đường nhựa chưa đặt tên cắt ngang đường Ngô Quyền	Nguyễn Đình Chiểu	Lê Thị Hồng Gấm	1.50
334	Hẻm số 554 đường Lê Duẩn (Chỉ áp dụng cho các thửa đất mặt tiền hẻm 554)	Lê Duẩn	Hết đường	1.50
335	Hẻm đường Lê Duẩn (Về phía bên trái): Trong khoảng từ đường Đinh Tiên Hoàng đến Cầu trắng			
	- Hẻm lớn hơn 5 mét (trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)			1.50
	- Hẻm từ 3 mét đến 5 mét (trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)			1.50
	- Hẻm dưới 3 mét (trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)			1.50

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
336	Hẻm 28 Lê Thị Hồng Gấm	Lê Thị Hồng Gấm	Nguyễn Kinh Chi	1.30
337	Hẻm 2 Phan Chu Trinh	Nguyễn Tất Thành	Phan Chu Trinh	1.30
338	Hẻm 119 Nguyễn Văn Cừ	Nguyễn Văn Cừ	Lê Vụ	1.50
339	Hẻm đường Nguyễn Văn Cừ (Về phía bên phải): Trong khoảng từ Bùng binh Km3 đến cầu Ea Nao			
	- Hẻm lớn hơn 5 mét (trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)			1.50
	- Hẻm từ 3 mét đến 5 mét (trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)			1.50
	- Hẻm dưới 3 mét (trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)			1.50
340	Hẻm 166 Nguyễn Tri Phương (Sơn Khinh cũ)	Nguyễn Tri Phương	Hết đường	1.50
341	Hẻm đường Lê Hồng Phong (Phía dọc suối Đốc học): Trong khoảng từ đường Nguyễn Công Trứ đến đường Quang Trung			1.50
	- Hẻm lớn hơn 5 mét (trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)			1.50
	- Hẻm từ 3 mét đến 5 mét (trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)			1.50
	- Hẻm dưới 3 mét (trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)			1.50
342	Hẻm đường Hồ Tùng Mậu (Về phía bên phải): Trong khoảng từ đường Lê Hồng Phong đến hết hẻm 52 Hồ Tùng Mậu			
	- Hẻm lớn hơn 5 mét (trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)			1.50
	- Hẻm từ 3 mét đến 5 mét (trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)			1.50
	- Hẻm 52 Hồ Tùng Mậu (đoạn 1) từ đường Hồ Tùng Mậu đến thửa đất số 58, 59, 60, tờ bản đồ 16			1.50
	- Hẻm 52 Hồ Tùng Mậu (đoạn 2) từ thửa đất số 102, tờ bản đồ 16 đến hẻm 105 đường Lê Hồng Phong			1.50
343	Hẻm đường Quang Trung (Về phía bên trái): Trong khoảng từ đường Xô Viết Nghệ Tĩnh đến đường Đinh Công Tráng			1.50
	- Hẻm lớn hơn 5 mét (trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)			1.50
	- Hẻm từ 3 mét đến 5 mét (trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)			1.50
	- Hẻm dưới 3 mét (trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)			1.50
344	Hẻm đường Đinh Tiên Hoàng (Về phía bên trái)			
	Hẻm 131	Đinh Tiên Hoàng	Nguyễn Du	1.50
	Hẻm 185	Đinh Tiên Hoàng	Bùi Huy Bích	1.50
	Hẻm 203	Đinh Tiên Hoàng	Hết đường	1.50
345	Hẻm 02 Nguyễn Đình Chiểu (đối diện Nhà thi đấu tỉnh): Nguyễn Đình Chiểu đến hết đường (Nhà sách Giáo dục)			1.30
346	Các thửa đất tiếp giáp với hẻm số 51, đường Nguyễn Tất Thành: Tính theo quy định đối với hẻm đường Nguyễn Tất Thành			

## II. ĐẤT Ở NÔNG THÔN

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (lân)
		Từ	Đến	
<b>I</b>	<b>Xã Hòa Thuận</b>			
1	Quốc lộ 14	Hết cầu Đạt lý	Đường 5A thôn 2 và đường 7B thôn 5	1.30
		Đường 5A thôn 2 và đường 7B thôn 5	Hết UBND xã Hòa Thuận	1.30
		Hết UBND xã Hòa Thuận	Hết địa bàn TP. Buôn Ma Thuột	1.20
2	Đường vào thôn Kiên Cường	Quốc lộ 14	Đến đập hồ Đạt lý	1.30
3	Đường rộng từ 5m trở lên			1.30
4	Đường rộng dưới 5m			1.30
<b>II</b>	<b>Xã Cư Êbur</b>			
1	Tỉnh lộ 5	Cầu ranh giới xã Cư Êbur	Hết trụ sở UBND xã	1.60
		Hết trụ sở UBND xã	10 tháng 3	1.60
		10 tháng 3	Ngã ba đường vào thôn 8	1.60
		Ngã ba đường vào thôn 8	Ranh giới huyện Buôn Đôn	1.60
2	Các trục đường chính tại xã Cư Êbur			
	Đường A	Tỉnh lộ 5	10 tháng 3	1.30
		Tỉnh lộ 5	Đường giải phóng cũ	1.30
	Đường B	Tỉnh lộ 5	10 tháng 3	1.30
		10 tháng 3	Hết khu dân cư (Giáp đường dây 500KV)	1.30
		Tỉnh lộ 5	Đường giải phóng cũ	1.30
	Đường C	Tỉnh lộ 5	Cổng trước Nhà thờ Châu Sơn	1.30
		Cổng sau Nhà thờ Châu Sơn	10 tháng 3	1.30
		10 tháng 3	Hết địa bàn thôn 3	1.30
	Đường D	Tỉnh lộ 5	Hết khu dân cư (Giáp 10 tháng 3)	1.30
3	Đường A1, A2, A3 (Buôn Đung)			1.30
4	Đường A4, A5, A6, A7 (Buôn Đung)			1.30
5	Đường A8, A9, A10, A11, A12, A13, A14 (Buôn Đung)			1.30
6	Đường liên thôn	Ngã ba tượng thánh Gioan	Ngã ba tỉnh lộ 5	1.30
7	Giải phóng (Đoạn xã Cư Êbur)	Giáp ranh phường Tân Lợi	10 tháng 3	1.30
8	Y Moan Ênuôl nối dài	Giáp ranh phường Tân Lợi	Đường trục 2 buôn Dĩa Prông	1.50

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (lân)
		Từ	Đến	
9	Đường giao thông trục 1 buôn Dĩa Prông	Y Moan Ênuôl về phía bên trái	Hết thửa đất số 25, 70 tờ BĐ số 68	1.20
		Y Moan Ênuôl về phía bên phải	Hết thửa đất số 139, 576 tờ BĐ số 70	1.20
10	Đường giao thông trục 2 buôn Dĩa Prông	Y Moan Ênuôl về phía bên trái	Hết thửa đất số 181, tờ BĐ số 24 và thửa đất số 5, tờ BĐ số 35	1.20
		Y Moan Ênuôl về phía bên phải	Hết địa giới xã Cư ÊBur	1.20
11	10 tháng 3	Đoạn qua xã Cư ÊBur		1.10
12	Đất khu dân cư còn lại (Ngoài khu vực có tên đường đã xác định trong bảng giá trên)			
	Đường rộng từ 5m trở lên			1.30
	Đường rộng dưới 5m			1.30
13	Đất khu dân cư còn lại (Thôn 8)			
	Đường rộng từ 5m trở lên			1.30
	Đường rộng dưới 5m			1.30
<b>III</b>	<b>Xã Ea Tu</b>			1.30
1	Nguyễn Văn Linh (Quốc lộ 14)	Bắt đầu từ ranh giới xã Ea Tu	Hết cầu Đạt lý	1.30
		Hết cầu Đạt Lý	Hết địa bàn xã Ea Tu	1.30
2	Đường giao thông qua UBND xã Ea Tu	Nguyễn Văn Linh	Ngã ba đường đi Liên Doanh 2 buôn Krông A	1.30
		Ngã ba đường đi Liên Doanh 2 buôn Krông A	Hết ngã tư sân bóng Buôn Ko Tam	1.30
		Hết ngã tư sân bóng Buôn KoTam	Quốc lộ 26	1.30
3	Phạm Văn Đồng (Quốc lộ 26)	Hết địa bàn phường Tân Hòa	Hết địa bàn TP Buôn Ma Thuột	1.30
4	Đường nối Nguyễn Văn Linh với Hà Huy Tập (Ranh giới phường Tân An với xã Ea Tu)	Nguyễn Văn Linh	Hết ranh giới xã Ea Tu	1.30
5	Đường vào thôn Kiên Cường, xã Hòa Thuận	Quốc lộ 14	Ngã ba nhà ông Phan Thanh Hiền (Thửa 133, TĐ số 47)	1.30
6	Đất khu dân cư còn lại (Ngoài khu vực có tên đường đã xác định trong bảng giá trên)			
	Đường rộng từ 5m trở lên			1.30
	Đường rộng dưới 5m			1.30

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (lân)
		Từ	Đến	
<b>IV</b>	<b>Xã Hòa Thắng</b>			
1	Đam San	Nguyễn Thái Bình	Cổng Sân bay Buôn Ma Thuột	2.00
2	Nguyễn Lương Bằng	Cầu km5	Ngã ba Viện KH NLN Tây Nguyên (Cũ)	1.40
		Ngã ba Viện KH NLN Tây Nguyên (Cũ)	Nguyễn Thái Bình	2.00
3	Nguyễn Thái Bình	Nguyễn Lương Bằng	Đường vào buôn Kom Leo	2.00
		Đường vào buôn Kom Leo	Hết thửa đất số 397; 410, tờ bản đồ 83	1.20
		Hết thửa đất số 397; 410, tờ bản đồ 83	Hết địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột	1.20
4	Đường vào Viện KH NLN Tây Nguyên (Cũ)	Nguyễn Lương Bằng	Nhà bà Châu (Thửa 45, TBĐ số 49)	1.40
5	Đường vào buôn Kom Leo	Doanh trại Bộ đội Thôn 5	Hết khu dân cư thôn 4	1.30
6	Đường vào buôn Ea Chu Kấp	Ngã ba (Số 173 Nguyễn Thái Bình)	Ngã ba nhà ông Bùi Văn Hùng (Thửa 133, TBĐ số 74)	1.20
7	Đường vào buôn Ea Chu Kấp	Ngã ba (Trụ sở Công ty Việt Thắng)	Đất nông nghiệp Công ty Việt Thắng cũ (Thửa 20, TBĐ số 28)	1.20
8	Các hẻm cấp đường Nguyễn Lương Bằng (Cả 2 bên), đoạn từ Cầu km5 đến Ngã ba Viện KH NLN Tây Nguyên (Cũ)			1.20
	Đường rộng từ 5m trở lên (trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)			1.20
	Đường rộng dưới 5m (trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)			1.20
9	Các hẻm cấp 1 đường Nguyễn Lương Bằng, đoạn từ Ngã ba Viện KH NLN Tây Nguyên (Cũ) đến Nguyễn Thái Bình			
	* Phía thôn 2, thôn 3			
	Đường rộng từ 5m trở lên (trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)			1.20
	Đường rộng dưới 5m (trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)			1.20
	* Phía ngã ba Viện KH NLN Tây Nguyên (Cũ) đến đường Đam San			1.20
	Đường rộng từ 5m trở lên (trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)			1.20
Đường rộng dưới 5m (trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)			1.20	
10	Các hẻm cấp 1 đường Nguyễn Thái Bình, đoạn từ Nguyễn Lương Bằng đến đường vào buôn Kom Leo			1.20

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (lân)
		Từ	Đến	
	* Phía thôn 3, thôn 5			1.20
	Đường rộng từ 5m trở lên (trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)			1.20
	Đường rộng dưới 5m (trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)			1.20
	* Phía thôn 8, thôn 9			1.20
	Đường rộng từ 5m trở lên (trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)			1.20
	Đường rộng dưới 5m (trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)			1.20
11	Các hẻm cấp 1 đường Nguyễn Thái Bình (Cả 2 bên), đoạn từ đường vào buôn Kom Leo đến Bên trái ranh giới Trụ sở Công ty Việt Thắng, bên phải đường vào thôn 4 (Đội 2 cũ) dài khoảng 300m			1.20
	Đường rộng từ 5m trở lên (trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)			1.20
	Đường rộng dưới 5m (trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)			1.20
12	Các hẻm cấp 1 đường Nguyễn Thái Bình (cả 2 bên) đoạn từ bên trái ranh giới Trụ sở Công ty Việt Thắng, bên phải đường vào thôn 4 (Đội 2 cũ) đến hết địa bàn xã Hoà Thắng dài khoảng 300m			
	Đường rộng từ 5m trở lên (trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)			1.30
	Đường rộng dưới 5m (trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)			1.30
13	Khu dân cư 2,9 ha thôn 11 xã Hoà Thắng			
	Đường giao với đường Nguyễn Lương Bằng			1.30
	Đường song song với đường Nguyễn Lương Bằng			1.30
14	Các tuyến đường trong khu dân cư còn lại (Ngoài khu vực có tên đường đã xác định trong bảng giá trên )			
	Đường rộng từ 5m trở lên			1.30
	Đường rộng dưới 5m			1.30
<b>V</b>	<b>Xã Ea Kao</b>			
1	Y Wang (Nói dài)	Cầu Ea Kniêr	Hết Bru điện (Ngã 3 đi Thôn 4, xã Ea Kao)	1.30
		Hết Bru điện (Ngã 3 đi Thôn 4, xã Ea Kao)	Đập Ea Kao	1.30
2	Đường trục chính xã Ea Kao (đi qua thôn 4)	Y Wang	Ngã ba đi Lâm Viên	1.30
		Ngã ba đi Lâm Viên	Hết địa bàn TP Buôn Ma Thuột	1.30
3	Đường giao thông đi vào thôn Cao Thành	Y Wang	Mương thủy lợi N2	1.30
4	Đường giao thông đập hồ Ea Kao			1.20
5	Đất khu dân cư còn lại dọc 2 bên đường trục chính xã Ea Kao (Đoạn từ cầu Kniêr đến hết ngã ba Bru Điện)			
	Đường rộng từ 5m trở lên			1.20
	Đường rộng dưới 5m			1.20
6	Đất khu dân cư còn lại dọc 2 bên đường trục chính xã Ea Kao (Đoạn từ Ngã ba			

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
	Buru điện đến hết địa bàn TP Buôn Ma Thuột)			
	Đường rộng từ 5m trở lên			1.20
	Đường rộng dưới 5m			1.40
<b>VI</b>	<b>Xã Hòa Phú</b>			
1	Quốc lộ 14	Giáp xã Hòa Khánh	Ngã 3 đường đi xã Hoà Xuân	1.20
		Ngã 3 đường đi xã Hoà Xuân	Ngã 3 đường và hầm đá	1.20
		Ngã 3 đường và hầm đá	Ngã 3 đường vào Làng Thái và đường vào thủy điện Buôn Kuốp	1.20
		Ngã 3 đường vào Làng Thái và đường vào thủy điện Buôn Kuốp	Cầu Sêrêpôk	1.20
2	Đường vào hầm đá	Quốc lộ 14	Hội trường thôn 11	1.20
3	Đường vào Buôn Tuôr	Quốc lộ 14	Chi hội tin lành Buôn Tuôr	1.20
4	Đường vào thủy điện Hòa Phú	Quốc lộ 14	Nghĩa địa làng Thái	1.20
		Nghĩa địa làng Thái	Ngã 3 thủy điện Hòa Phú	1.20
5	Đường vào xóm Hội phụ Lão	Quốc lộ 14	Cuối xóm Hội phụ Lão (Thôn 12)	1.20
6	Đường vào làng Thái	Quốc lộ 14	Nhà ông Hà Văn Danh	1.20
7	Đường đi thủy điện Buôn Kuốp	Quốc lộ 14	Suối Ea Tuôr	1.20
8	Đường giao thông	Quốc lộ 14	Cầu buôn M'rê	1.20
9	Đất khu dân cư còn lại			
	Đường rộng từ 5m trở lên			1.20
	Đường rộng dưới 5m			1.20
<b>VII</b>	<b>Xã Hòa Khánh</b>			
1	Tổ Hữu (Tỉnh lộ 2)	Hết ranh giới phường Khánh Xuân	Cầu thôn 4 xã Hòa Khánh	1.20
		Cầu thôn 4 xã Hòa Khánh	Hết địa bàn TP. Buôn Ma Thuột	1.20
2	Quốc lộ 14	Hết địa bàn phường Khánh Xuân	Đến ranh giới xã Hòa Phú	1.20
3	Đường liên xã đi Ea Kao	Tỉnh lộ 2 (thửa số 1128; 1137, tờ bản đồ số 15)	Giáp ranh xã Ea Kao	1.20
4	Đường nối QL 14 với tỉnh lộ 2	Quốc lộ 14	Tỉnh lộ 2	1.20
5	Đất khu dân cư còn lại (Ngoài khu vực có tên đường đã xác định trong bảng giá trên)			

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (lân)
		Từ	Đến	
	Đường rộng từ 5m trở lên			1.20
	Đường rộng dưới 5m			1.20
<b>VIII</b>	<b>Xã Hòa Xuân</b>			
1	Đường giao thông	Cầu buôn M'rê	Đầu địa bàn thôn 4, xã Hòa Xuân	1.30
		Đầu địa bàn thôn 4, xã Hòa Xuân	Hết địa bàn thôn 4, xã Hòa Xuân	1.30
		Hết địa bàn thôn 4, xã Hòa Xuân	Ranh giới huyện Buôn Đôn	1.30
		Cầu Buôn Cư Dluê	Hết ranh giới trường THCS Hòa Xuân	1.30
		Hết ranh giới trường THCS Hòa Xuân	Hết địa bàn thôn 4, xã Hòa Xuân	1.20
		Hết địa bàn thôn 4, xã Hòa Xuân	Trụ sở trại lúa giống Hoà Xuân	1.20
2	Đất khu dân cư còn lại (Ngoài khu vực có tên đường đã xác định trong bảng giá trên)			
	Đường rộng từ 5m trở lên			1.30
	Đường rộng dưới 5m			1.30